**Tiết: 9,10**

**NÓI VÀ NGHE:**

**TRÌNH BÀY KẾT QUẢ SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

**- Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

***Nói***

- Biết sử dụng kết quả bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện đã thực hiện trước đó để xây dựng nội dung bài thuyết trình.

- Biết thuyết trình về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện một cách thuyết phục (riêng ở phương diện nội dung, phải giúp người nghe hiểu thêm về các tác phẩm truyện được đề cập, nhận ra ý nghĩa của việc so sánh và nắm được các nguyên tắc, thao tác so sánh cần tuân thủ, vận dụng).

***Nghe***

- Biết học hỏi từ người thuyết trình những kinh nghiệm bổ ích trong việc xác định mục đích so sánh; chọn đối tượng để so sánh; chọn phương diện cần tập trung so sánh; chọn dẫn chứng tiêu biểu, sáng rõ để làm sáng tỏ các luận điểm so sánh, đánh giá; kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ;…

**2. Phẩm chất:** Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá…

**3. Địa điểm dạy học**: Thư viện trường THPT Mai Thúc Loan

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

**-** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  Xem video ngắn sau và trả lời các câu hỏi:  **https://www.youtube.com/watch?v=5wsS8fA8PFk** (8:50 – 10:10)  **https://www.youtube.com/watch?v=ffDo69ipOv0** (5:30 – 6:00)  - Em cho biết tác phẩm nghệ thuật nào đã được chuyển thể thành phim trong 2 video?  - Em hãy kể lại vắn tắt tình huống xảy ra trong 2 video trên?  - Em thấy 2 clip giống và khác nhau như thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 2 – 3 HS trả lời.  HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.  Mỗi người nghệ sĩ là một tiểu vũ trụ, tác phẩm văn học là sự phản ánh tiểu vũ trụ ấy. Vì vậy, không có những tác phẩm “song sinh” dù tâm hồn anh cùng đồng điệu, tri kỷ với tâm hồn tôi. Mặt khác, người đọc tìm đến với văn học để đắm mình trong vẻ đẹp của sự sáng tạo. Thế nên, dù cùng đề tài, mỗi tác phẩm lại có tiếng nói riêng. Cô trò chúng ta sẽ đến với bài học ngày hôm nay để các em được thuyết trình về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện một cách thuyết phục. | - Tác phẩm nghệ thuật đã được chuyển thể thành phim trong 2 video: *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố), *Lão Hạc* (Nam Cao).  - Tình huống:  + Chị Dậu quyết định bán con do quá khốn khổ.  + Lão Hạc quyết định bán chó vì lâm vào tình thế túng quẫn.  - So sánh: Tình thế khốn cùng của những người nông dân trước Cách mạng ở những hoàn cảnh khác nhau (Chị Dậu chồng đau ốm, nhà nghèo lại bị thúc thuế, Lão Hạc nghèo khổ, muốn giữ lại cho con trai chút vốn), ép họ phải làm những điều đau xót (chị Dậu bán con, Lão Hạc bán chó),... |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS xác định được yêu cầu và các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

**b. Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I . CHUẨN BỊ NÓI**  **\*Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  Để thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, cần lưu ý điều gì? (Đọc mục Yêu cầu SGK tr.34)  **Bước 2 +3: Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ**  HS đọc SGK, thảo luận cặp đôi 2 phút và báo cáo  HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức.  **\*Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Tuỳ tình hình lớp học, GV chia lớp thành nhiều nhóm (mỗi nhóm 4 – 6 HS).  GV yêu cầu:  - Các nhóm chọn sử dụng kết quả của bài thực hành viết.  - Tìm ý và sắp xếp ý theo bảng:   |  |  | | --- | --- | | **Vấn đề cần tìm hiểu** | **Câu trả lời** | | Tên truyện được so sánh |  | | Những thông tin chung về 2 tác phẩm |  | | Cơ sở so sánh 2 tác phẩm |  | | Những điểm giống nhau của 2 tác phẩm |  | | Những điểm khác nhau của 2 tác phẩm |  | | Đánh giá chung |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK, tài liệu tham khảo và thảo luận nhóm, hoàn thiện bảng kiến thức trên giấy A0 hoặc word hoặc PP  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm HS treo bảng kiến thức lên trên bảng hoặc gửi vào zalo nhóm lớp/ padlet  - GV yêu cầu 1 – 2 nhóm trình bày dàn ý đã xây dựng, chỉnh sửa, các nhóm khác góp ý, bổ sung.  - GV yêu cầu thực hành luyện nói trong nhóm, góp ý cho nhau trước khoảng 5 phút.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét phần làm việc các nhóm, chốt kiến thức. | **I . CHUẨN BỊ NÓI**  **1. Yêu cầu của kiểu bài** **trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện**  **Để so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, cần lưu ý:**  - Nêu tên hai tác phẩm truyện được đưa ra để so sánh, đánh giá và nói rõ lí do chọn hai tác phẩm này.  - Xác định rõ cơ sở so sánh và phạm vi các phương diện cần so sánh ở hai tác phẩm truyện. Nêu cách thức đã thực hiện khi so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.  - Trình bày một số kết quả so sánh, đánh giá nổi bật (có phân tích các dẫn chứng tiêu biểu). - Khái quát được ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.  **2. Chuẩn bị các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.**  **a. Lựa chọn đề tài**  Sử dụng bài thực hành viết từ tiết trước:  **Đề bài:** Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Vợ nhặt* (Kim Lân) và truyện *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài).  **b. Tìm ý và sắp xếp ý**   |  |  | | --- | --- | | **Vấn đề cần tìm hiểu** | **Câu trả lời** | | Tên truyện được so sánh |  | | Những thông tin chung về 2 tác phẩm |  | | Cơ sở so sánh 2 tác phẩm |  | | Những điểm giống nhau của 2 tác phẩm |  | | Những điểm khác nhau của 2 tác phẩm |  | | Đánh giá chung |  | |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS trình bày được bài thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện; biết lắng nghe và trao đổi.

**b. Nội dung**: HS trình bày bài nói đã chuẩn bị ở bài viết và nhận xét, trao đổi về bài nói.

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV lưu ý HS các bước chuẩn bị để có bài thuyết trình tốt, lưu ý HS tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục.  - HS trình bày bài nói, mỗi HS từ 5 – 7 phút.  - HS còn lại lắng nghe, ghi chép vào vở, nhận xét về bài nói trên các tiêu chí trong phiếu nhận xét:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI** | | | | **STT** | **Tiêu chí** | **Nhận xét** | | 1 | Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không? |  | | 2 | Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không? |  | | 3 | Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không? |  | | 4 | Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không? |  | | 5 | Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không? |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI** | | | | **STT** | **Tiêu chí** | **Nhận xét** | | 1 | Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa? |  | | 2 | Có tích cực ghi chép không? |  | | 3 | Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không? |  | | 4 | Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa? |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS kiểm tra, rà soát lại bài nói khoảng 2 phút  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 2-3 HS lên trình bày  - HS khác thực hiện nhiệm vụ nghe, ghi chép, trao đổi và hoàn thành phiếu  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét quá trình làm việc nhóm, bài nói và nghe của HS bằng phiếu học tập. | **II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ**  **1. Thực hành nói**  Tham khảo bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Vợ nhặt* và *Vợ chồng A Phủ.* (bên dưới)  **2. Trao đổi, đánh giá**  **a. Trao đổi**   |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | Làm rõ những điều người nghe muốn biết thêm về tác phẩm. | Bày tỏ sự quan tâm về tác phẩm được giới thiệu. Nêu những điều muốn biết thêm về tác phẩm. | | Bảo vệ hoặc điều chỉnh những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe. | Bổ sung hoặc đính chính thông tin về tác phẩm căn cứ vào thực tế giới thiệu của người nói. | | Thể hiện thái độ tiếp thu các góp ý một cách nghiêm túc, chân thành. | Trình bày cách nhìn nhận khác về tác phẩm trên tinh thần đối thoại tích cực. |   **b. Đánh giá**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI** | | | | **STT** | **Tiêu chí** | **Nhận xét** | | 1 | Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không? |  | | 2 | Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không? |  | | 3 | Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không? |  | | 4 | Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không? |  | | 5 | Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không? |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI** | | | | **STT** | **Tiêu chí** | **Nhận xét** | | 1 | Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa? |  | | 2 | Có tích cực ghi chép không? |  | | 3 | Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không? |  | | 4 | Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa? |  | |  |  |  | |

**Tham khảo bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Vợ nhặt* và *Vợ chồng A Phủ***

Xin chào các bạn!

Truyện ngắn là thể loại hết sức thú vị mà ở đó, mỗi nhà văn như đã thu cả cuộc sống bộn bề vào những trang văn. Kim Lân và Tô Hoài đều là những cây bút tài năng trong nền văn học hiện đại Việt Nam. Tuy cùng viết về người nông dân trước Cách mạng tháng tám nhưng với *Vợ nhặt* và *Vợ chồng A Phủ*, mỗi nhà văn lại có cách khai thác khác nhau, tạo nên những áng văn với sức hấp dẫn khác nhau.

Trong nền văn học hiện đại Việt Nam, Tô Hoài được xem là cây đại thụ lớn với số lượng tác phẩm đạt mức kỉ lục; nội dung phong phú, hấp dẫn và nghệ thuật độc đáo. Trong khi đó, Kim Lân được xem là người “một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy nông thôn” (theo Nguyên Hồng nhận xét), tuy số lượng sáng tác không nhiều nhưng tác phẩm nào cũng đặc sắc. Nhắc đến Tô Hoài, người ta không thể không nhắc tới *Vợ chồng A Phủ*; mà đã nói tới Kim Lân, ta lại không thể quên *Vợ nhặt*. Mỗi tác phẩm có một “tờ giấy khai sinh” rất đặc biệt: *Vợ chồng A Phủ* ra đời trong chuyến đi thực tế lên Tây Bắc của Tô Hoài, còn *Vợ nhặt* được Kim Lân viết trước Cách mạng nhưng lại hoàn thành sau Cách mạng.

Với *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài xây dựng lên hai nhân vật: Mị và A Phủ. Do điều kiện bi thảm khác nhau mà một người trở thành con dâu gạt nợ, một người là kẻ làm thuê gạt nợ cho nhà thống lí. Dẫu vậy, A Phủ vẫn mạnh mẽ sống với lẽ sống tự do, phóng khoáng, còn Mị mang sức sống tiềm tàng trong đêm xuân và sức mạnh phản kháng mãnh liệt trong đêm đông. Và cuối cùng Mị đã cắt dây trói cứu A Phủ và cùng A Phủ chạy trốn tới Phiềng Sa. *Vợ chồng A Phủ* được xem là truyện ngắn xuất sắc bậc nhất trong đời văn Tô Hoài nói riêng và văn học hiện đại của ta nói chung.

Cũng viết về người nông dân trước Cách mạng, nhưng *Vợ nhặt* lại xoay quanh câu chuyện anh cu Tràng nhặt được vợ trong hoàn cảnh đói quay quắt. Bà cụ Tứ, người mẹ nghèo nhân hậu đã đón nhận mối duyên con. Hạnh phúc của họ bị bủa vây bởi cái đói, cái chết và cả tiếng trống thúc thuế của bọn thực dân, phát xít. Dẫu vậy, họ vẫn tràn đầy niềm hi vọng vào tương lai. *Vợ nhặt* thực sự là một câu chuyện đầy ám ảnh. Thế nên, người ta vẫn cho rằng: nếu chọn ra 10 truyện ngắn hay nhất nền văn học hiện đại Việt Nam thì trong đó chắc chắn có *Vợ nhặt* của Kim Lân.

Hai tác phẩm trên là những sáng tác tiêu biểu của hai nhà văn, đều viết về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân trước Cách mạng tháng tám. Tuy vậy mỗi tác phẩm lại mang vẻ đẹp riêng.

Trước hết là trong cách tiếp cận số phận con người, Tô Hoài và Kim Lân đã chọn những lối đi không trùng lặp. Trong *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài phản ánh số phận đau khổ, tủi nhục của những người dân lao động dưới ách thống trị của cường quyền và thần quyền ở vùng miền núi Tây Bắc. Nhân vật Mị mang thân phận con dâu gạt nợ nhưng thực chất, Mị chỉ như kẻ ở cho nhà thống lí Pá Tra. Mị bị bóc lột tàn tệ: làm việc quần quật, con trâu con ngựa làm còn có lúc nghỉ ngơi nhưng Mị thì không, trong đêm tình mùa xuân khi sức sống trỗi dậy ngay lập tức bị A Sử dập tắt, bắt trói vào cột… Bị đọa đày trong nhà thống lí,  Mị từ một cô gái trẻ trung, yêu đời trở thành “con rùa lùi lũi trong xó cửa”, tê liệt cả khả năng phán kháng... Còn nhân vật A Phủ mồ côi cha mẹ, bị đem bán đổi thóc, lưu lạc ở Hồng Ngài rồi vì dám đứng lên bảo vệ công bằng, lẽ phải mà bị đánh đập, phạt vạ, trở thành kẻ ở cho nhà thống lí. A Phủ phải sống kiếp nô lệ bị bóc lột, chà đạp, bị phạt vạ vô lí, làm việc quần quật mấy năm không hết nợ, đánh mất bò nên bị trói đến chết (tính mạng rẻ mạt),…Còn với *Vợ nhặt*, Kim Lân lại phản ánh số phận khốn khổ, rẻ mạt của con người giữa thời đói khát quắt quay. Ông mô tả cảnh chết đói vô cùng khủng khiếp: Người chết như ngả rạ, người sống thì “vật vờ như những bóng ma”,... Đặc biệt trong cảnh cùng cực ấy, số phận con người được tô đậm qua nhiều nhân vật. Tràng là chàng trai xấu xí, nghèo, dân ngụ cư, lại còn ế vợ. Người vợ nhặt hiện lên với quần áo rách tả tơi, khuôn mặt lưới cày chỉ còn thấy hai con mắt, nghèo đói mà trở nên cong cớn, chỏng lỏn, chấp nhận theo không Tràng về làm vợ cốt để có miếng ăn. Còn bà cụ Tứ thì cái nghèo khổ in dấu cả trong dáng hình “lọng khọng”, vừa đi vừa lẩm bẩm tính toán gì đó đầy ám ảnh.

Như vậy cách tiếp cận khác nhau khi miêu tả số phận con người ở các nhà văn đã giúp người đọc trải nghiệm nhiều cuộc đời hơn, dễ dàng thấu cảm, sẻ chia với số phận đau thương của con người.

Sự khác biệt rõ nét giữa *Vợ chồng A Phủ* và *Vợ nhặt* còn là trong cách cảm nhận vẻ đẹp con người của Tô Hoài và Kim Lân. Trong *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài đã tập trung miêu tả sức sống mãnh liệt, khát vọng tự do cháy bỏng và khả năng cách mạng ở những con người nghèo khổ. Điều này thể hiện rõ nét nhất ở nhân vật Mị. Mị vốn là một người con gái xinh đẹp, có tài thổi sáo, tâm hồn trong sáng, yêu đời. Mị vì thương bố mà chấp nhận làm con dâu gạt nợ, sống cuộc đời tăm tối, tủi nhục. Đặc biệt, sự khốn cùng nơi nhà thống lí không diệt được sức sống tiềm tàng mãnh liệt trong Mị. Trong đêm xuân, không khí tươi vui rộn ràng, tiếng sáo gọi bạn tình tha thiết và nhất là hơi rượu đã làm thức dậy tâm hồn Mị. Từ một kẻ lầm lũi, tê liệt khả năng phản kháng, Mị bỗng sống dậy ý thức về thân phận, thấy đau khổ và nghĩ đến cái chết. Rồi Mị lại muốn làm đẹp, muốn đi chơi, muốn được sống như ngày còn trẻ, còn được tự do... Sức sống tiềm tàng này chính là nguồn cội cho khát vọng sống mãnh liệt và khả năng cách mạng bùng lên trong đêm đông. Chính bởi vậy, Mị đã cắt dây trói cứu A Phủ, cũng chính là tự giải thoát bản thân mình. Rồi sau đó, Mị vùng chạy theo A Phủ rồi sau hai người đã đến với cách mạng. Song song với Mị, nhân vật A Phủ được khắc họa là một chàng trai khỏe khoắn, chăm lao động, tính tình cương trực: Ai lấy được A Phủ “như có một con trâu tốt trong nhà”, dám chống lại những bất công ngang trái,... A Phủ cũng là người tình nghĩa và có tình yêu tự do và tinh thần cách mạng: khi Mị cởi trói, A Phủ khuỵu xuống, không bước được rồi ngay sau đó đã “quật sức vùng lên chạy” thoát khỏi gông cùm, xiềng xích. Đến khi Mị nói “A Phủ cho tôi đi”, thì A Phủ đã không bỏ lại người đàn bà khốn khổ ấy. Và cuối cùng, họ tìm đến cách mạng, trở thành cán bộ giỏi. Khi đến với *Vợ nhặt*, Kim Lân lại cho thấy những con người dù hoàn cảnh nghèo đói khốn cùng nhưng vẫn yêu thương, đùm bọc nhau. Đó là câu chuyệnTràng nhặt vợ về cưu mang. Đó là tình tiết bà cụ Tứ sẵn sàng chấp nhận người con dâu với tất cả tình thương của một người mẹ đã trải đời. Còn người vợ nhặt sẵn sàng theo không Tràng mong qua cảnh đói nghèo nhưng khi ăn miếng cháo cám “nghẹn bứ trong cổ họng” vẫn điềm nhiên và vào miệng, nghĩa là đã cảm thông, thấu hiểu và sẵn sàng chia sẻ sự nghèo khó với mẹ con Tràng. Đặc biệt cái đói, cái nghèo, cái chết không vùi dập được những khao khát hạnh phúc và niềm tin tưởng vào tương lai tươi sáng. Nó có thể mong manh như niềm vui của người dân ngụ cư khi Tràng có vợ. Nó có thể kín đáo và dịu dàng khi Tràng tủm tỉm cười và xúc động trước cảnh nhà cửa sân vườn được quét dọn sạch sẽ vào buổi sáng hôm sau. Tất cả hạnh phúc ấy khiến người vợ nhặt trở thành người phụ nữ dịu dàng, nữ tính, chu đáo. Bà cụ Tứ thì quên mọi đói khát, nhọc nhằn dặn dò, chỉ bảo các con, toàn nghĩ đến chuyện tương lai “ai giàu ba họ, ai khó ba đời”...Đến cuối truyện, hình ảnh đoàn người đói đi trên đê Sộp và lá cờ Việt Minh dự báo về một cuộc đổi đời.

Sức hấp dẫn riêng của mỗi tác phẩm còn đến từ sự khác biệt trong việc sử dụng hình thức nghệ thuật. Trong *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài đi sâu phân tích tâm lí nhân vật. Ông kể bằng giọng trầm lắng. Ông cũng tạo dấu ấn bằng cách sáng tạo nhiều chi tiết đặc sắc: căn buồng của Mị, tiếng sáo, giọt nước mắt A Phủ,...Trong khi đó, *Vợ nhặt* lại mang giọng điệu đôn hậu, hóm hỉnh. Nhà văn Kim Lân dụng công tạo tình huống truyện vừa éo le vừa độc đáo, bất ngờ. Ông cũng miêu tả tâm trạng nhân vật hết sức tài tình.

Như vậy, chúng ta có thể nhận thấy sự tương đồng giữa *Vợ chồng A Phủ* và *Vợ nhặt* trước hết là ở bối cảnh truyện. Cả hai tác phẩm cùng lấy bối cảnh những năm 1945 – 1954. Với khả năng phân tích tâm lí tài tình, họ cùng hướng ngòi bút vào phản ánh số phận bi thảm đồng thời cũng khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của người lao động. Để rồi từ đó, họ tố cáo xã hội thực dân phong kiến chà đạp con người, đẩy con người vào đau khổ. Cả hai nhà văn đều thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc: trân trọng vẻ đẹp tâm hồn, khát vọng chính đáng của con người, có niềm tin vào sự đổi đời của con người. Nhưng mỗi tác phẩm thực sự là tiếng nói riêng của nhà văn. Trong khi *Vợ chồng A Phủ* tập trung phản ánh số phận người lao động bị áp bức, bóc lột nhưng vẫn sáng ngời vẻ đẹp của sức sống mãnh liệt, của khát vọng tự do thì *Vợ nhặt*  lại đi sâu phản ánh số phận rẻ rúng của con người vì đói nghèo, đồng thời ngợi ca vẻ đẹp của khát vọng sống, của ước mơ và hạnh phúc. Hai tác phẩm bên cạnh những nét tương đồng vẫn có những nét riêng biệt, thể hiện phong cách nghệ thuật riêng của mỗi tác giả. Điều đó khẳng định tài năng của mỗi nhà văn, đồng thời chứng minh sự phong phú, sự hấp dẫn vô tận của văn chương. Mỗi tác phẩm thực sự đã mang một vân chữ riêng để chúng ta càng thêm khâm phục và ngưỡng mộ tài năng của mỗi nghệ sĩ chân chính.

Xin cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý theo dõi bài thuyết trình! Em mong muốn nhận được những góp ý từ thầy cô và các bạn!

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện; biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.

**b. Nội dung**: Sáng tác video so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện đã học, đã đọc.

**c. Sản phẩm:** Video giới thiệu; Biên bản làm việc nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm khoảng 7 HS.

- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:

+ Chọn 02 tác phẩm truyện cùng đề tài

+ Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

+ Sáng tác 01 video so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện mà nhóm đã chuẩn bị ở phần viết. Video đảm bảo yêu cầu sau:

++ Có tên trường, tên lớp, vấn đề trình bày, tên các thành viên.

++ Trong quá trình giới thiệu phải có sự xuất hiện của 01 hoặc một vài thành viên trong nhóm.

+ Chọn 01 video (trừ video của nhóm mình) xem và bổ sung thêm lí lẽ, dẫn chứng hoặc đặt ra những câu hỏi, những vấn đề cần thảo luận.

- Thời gian, sản phẩm và cách thức nộp.

+ Thời gian: 01 tuần sau bài học.

+ Sản phẩm: 01 video giới thiệu, một biên bản làm việc nhóm (ghi rõ họ tên và nhiệm vụ của từng thành viên), một bản đánh giá quá trình làm việc nhóm của các thành viên.

+ Cách thức nộp: Gửi đăng trên padlet hoặc zalo nhóm lớp.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV có thể trình chiếu một số video clip của HS vào đầu buổi học tiếp theo (có thể lấy điểm đánh giá quá trình). GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS và kết luận.

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

**- Chuẩn bị bài thực hành đọc: Trên xuồng cứu nạn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phê duyệt của tổ CM** | **Người thực hiện** |